

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2024

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG**

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Huỳnh Công Thân.

2- Bà Trần Thị Mộng Lành.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tăng Thị Điền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang:** Bà Lai Thị Ngọc Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 258/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung T, sinh ngày 28/02/1988.

Địa chỉ: 65/17 Trịnh Hoài Đ, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Chị Trần Thị Tuyết K, sinh ngày 20/02/1995.

Địa chỉ: Ấp Y, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Trung T trình bày và yêu cầu như sau:*

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trung T và chị và chị Trần Thị Tuyết K kết hôn với nhau năm 2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 13/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị K thường xuyên đi giao lưu với bạn bè qua đêm mới về, còn cắt ghép hình bạn trai làm những hành động bất thường từ đó anh thiếu tin tưởng chị

K, từ đó vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị Tuyết K.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 12/7/2017, hiện đang sống với chị K. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn chị Trần Thị Tuyết K trình bày như sau:* Chị thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung là đúng như anh T trình bày nêu trên.

Theo yêu cầu của anh T thì chị có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

Về con chung: Chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh Tính cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản và nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Trung T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau:*

Về hôn nhân: Anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Tuyết K.

Về con chung: Anh xét thấy chị K không có điều kiện để nuôi con cho nên anh yêu cầu nuôi con tên Nguyễn Trần Đăng K và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Tuyết K trình bày:*

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

Về con chung: Chị xét thấy kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, chị là người nuôi con Nguyễn Trần Đăng K, bản thân anh T không hề tới lui thăm con, hơn nữa hiện tại anh T sống chung với nhà của người dì nên không đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi dạy con và cũng theo nguyện vọng của con sống với chị, vì vậy chị yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung T và chị Trần Thị Tuyết K.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Tuyết K xử giao cháu Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 12/7/2017 (theo nguyện vọng của cháu K) cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Trung T và chị Trần Thị Tuyết K thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trung T và chị và chị Trần Thị Tuyết K kết hôn với nhau năm 2016 và có đăng ký kết hôn ngày 13/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của anh T và chị K là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thiếu tình tương lẫn nhau nên dẫn đến cự cãi và từ đó vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay thì anh Nguyễn Trung T và chị Trần Thị Tuyết K đã tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau. Xét thấy, sự tự nguyện của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Anh Nguyễn Trung T và chị Trần Thị Tuyết K có 01 người con tên Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 12/7/2017, khi ly hôn anh T và chị K đều yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu nuôi con của anh T là chưa có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cuộc sống của cháu K hiện nay cũng ổn định, đồng thời cũng theo nguyện vọng của cháu K và bản thân chị K cũng có điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, xử giao cháu Nguyễn Trần Đăng K cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Trung T và chị Trần Thị Tuyết K thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Trung T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy, anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, như đã nhận định nêu trên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung T và chị Trần Thị Tuyết K.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 12/7/2017 (theo nguyện vọng của cháu K) cho chị Trần Thị Tuyết K chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh T và chị K có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Trung T và chị Trần Thị Tuyết K thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Trung T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số: 0003297 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh T và chị K biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/8/2024).

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký và đóng dấu*

**Phạm Thanh Tâm**